

VẬN DỤNG CHUẨN MỰC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

PGS.TS. Nguyễn Mạnh Thiều*

Nghiên cứu đã đánh giá mức độ vận dụng chuẩn mực kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp công nghệ Việt Nam thông qua 5 nhóm biến quan sát. Kết quả cho thấy mức độ tuân thủ chuẩn mực ở mức khá, trong đó việc ứng dụng công nghệ và phản ánh đúng bản chất chi phí đóng vai trò nổi bật. Hệ thống kế toán không chỉ đảm bảo minh bạch thông tin tài chính mà còn hỗ trợ hiệu quả cho ra quyết định quản trị. Từ đó, nghiên cứu đề xuất tăng cường đào tạo, đầu tư công nghệ và hoàn thiện chuẩn mực kế toán phù hợp với đặc thù doanh nghiệp công nghệ.

• Từ khóa: chuẩn mực kế toán doanh thu, chi phí, công ty công nghệ.

The study assessed the extent to which accounting standards on revenue, expenses, and business performance measurement are applied in Vietnamese technology enterprises, based on five groups of observed variables. The results indicate a relatively high level of compliance, with technology adoption and accurate expense recognition playing prominent roles. The accounting system not only ensures transparency of financial information but also effectively supports managerial decision-making. Accordingly, the study recommends enhancing training, investing in technology, and refining accounting standards to better align with the characteristics of technology enterprises.

• Key words: revenue accounting standards, expense accounting standards, technology companies.

Ngày gửi bài: 04/4/2025

Ngày gửi phản biện: 10/5/2025

Ngày nhận và sửa sau phản biện: 05/6/2025

Ngày chấp nhận đăng: 28/7/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i296.11>

1. Giới thiệu nghiên cứu

Trong tiến trình phát triển của nền kinh tế hiện đại, khu vực dịch vụ ngày càng đóng vai trò trung tâm, không chỉ góp phần thúc đẩy tăng trưởng GDP mà còn là nhân tố cốt lõi trong việc nâng cao chất lượng đời sống và năng lực cạnh tranh quốc gia. Theo quan điểm kinh tế học hiện đại, dịch vụ là tập hợp các hoạt động phi vật chất có khả năng tạo ra giá trị gia tăng, hỗ trợ quá trình sản xuất, lưu thông và tiêu dùng, đồng thời đáp ứng các nhu cầu ngày càng đa dạng của xã hội. Đặc

trưng nổi bật của dịch vụ là tính vô hình, không lưu trữ được, sự phụ thuộc vào thời điểm và không gian của quá trình cung ứng - tiêu dùng, cùng với việc không dẫn đến sự chuyển giao quyền sở hữu.

Với đặc điểm vận hành dựa trên các yếu tố phi vật chất, quá trình tạo lập giá trị trong ngành dịch vụ không xuất phát từ sản phẩm hữu hình mà thông qua việc cung cấp trải nghiệm, tiện ích hoặc giải pháp cho khách hàng. Do đó, việc ghi nhận doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp dịch vụ đòi hỏi sự tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc kế toán, đồng thời phải linh hoạt thích ứng với tính đặc thù của từng loại hình dịch vụ.

Một trong những ngành dịch vụ có tốc độ phát triển nhanh chóng và có vai trò thiết yếu trong nền kinh tế số hiện nay là dịch vụ viễn thông. Theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 37 của Pháp lệnh Bưu chính Viễn thông số 43/2002/PL-UBTVQH10, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng được định nghĩa là: “Dịch vụ làm tăng thêm giá trị thông tin của người sử dụng dịch vụ bằng cách hoàn thiện loại hình, nội dung thông tin hoặc cung cấp khả năng lưu trữ, khôi phục thông tin đó trên cơ sở sử dụng mạng viễn thông hoặc Internet”. Các loại hình dịch vụ này, được quy định cụ thể tại Khoản 2, Điều 9 Nghị định 25/2011/NĐ-CP, bao gồm: dịch vụ thư điện tử, thư thoại, fax gia tăng giá trị, truy cập Internet, và các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng khác.

Thực tiễn hiện nay cho thấy, nhiều doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, đặc biệt là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông, vẫn còn gặp không ít khó khăn trong việc xác định doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh một cách chính xác, minh bạch và phù hợp với các quy định hiện hành. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến độ tin cậy của thông tin tài chính mà còn

* Học viện Tài chính; email: nguyenmanhthieu@hvtc.edu.vn

làm suy giảm hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp và đánh giá hiệu quả kinh doanh.

Do đó, việc vận dụng một cách khoa học và hiệu quả các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam - cụ thể là Chuẩn mực số 14 về doanh thu và thu nhập khác (VAS 14), cùng với Chuẩn mực số 01 về nguyên tắc chung (VAS 01) - trong quá trình kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp dịch vụ viễn thông là một yêu cầu cấp thiết. Đây cũng là cơ sở quan trọng giúp nâng cao chất lượng thông tin kế toán, hỗ trợ quản trị nội bộ, và tăng cường tính minh bạch trong công bố thông tin tài chính.

2. Cơ sở lý thuyết và phát triển giả thuyết nghiên cứu

Việc vận dụng các chuẩn mực kế toán trong doanh nghiệp, đặc biệt là chuẩn mực về doanh thu và chi phí, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ bối cảnh ngành nghề và đặc điểm hoạt động sản xuất - kinh doanh. Trong các doanh nghiệp công nghệ, sản phẩm chủ yếu mang tính phi vật chất, gồm các phần mềm, dịch vụ số, nền tảng công nghệ và giải pháp tích hợp, điều này khiến cho việc ghi nhận doanh thu và chi phí trở nên phức tạp hơn so với các doanh nghiệp sản xuất truyền thống.

Theo VAS 14, doanh thu chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện về việc hoàn tất nghĩa vụ cung cấp, xác định được giá trị và khả năng thu hồi lợi ích kinh tế. Trong khi đó, VAS 01 yêu cầu doanh nghiệp phải ghi nhận chi phí đúng kỳ, đúng bản chất kinh tế phát sinh, phù hợp với doanh thu liên quan, từ đó đảm bảo tính khách quan và nhất quán của báo cáo tài chính. Lý thuyết kế toán tài chính truyền thống với nguyên tắc dồn tích (accrual basis) và nguyên tắc phù hợp (matching principle) vẫn là cơ sở nền tảng để xác định lợi nhuận kinh doanh, tuy nhiên, trong bối cảnh số hóa, các tình huống như doanh thu theo mô hình subscription, thu nhập trả trước, chi phí phát triển phần mềm nội bộ, hay hợp đồng dịch vụ trọn gói dài hạn... đặt ra nhiều thách thức trong vận dụng chuẩn mực một cách linh hoạt và tuân thủ.

Dựa trên nền tảng lý thuyết nêu trên, cùng với thực tiễn hoạt động tại các doanh nghiệp công nghệ Việt Nam, nghiên cứu này đề xuất và phát triển năm giả thuyết nghiên cứu như sau:

H1: Việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán doanh thu (VAS 14) có ảnh hưởng tích cực đến tính chính xác trong ghi nhận doanh thu tại các doanh nghiệp công nghệ.

H2: Việc vận dụng Chuẩn mực kế toán chi phí (VAS 01) có tác động tích cực đến việc phân bổ chi phí hợp lý và phản ánh đúng bản chất kinh tế các nghiệp vụ tại doanh nghiệp công nghệ.

H3: Mức độ vận dụng đầy đủ chuẩn mực kế toán doanh thu và chi phí có mối quan hệ tích cực với độ

tin cậy và minh bạch của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

H4: Năng lực kế toán và mức độ tự động hóa hệ thống kế toán có vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa việc vận dụng chuẩn mực kế toán và độ chính xác của báo cáo tài chính tại doanh nghiệp công nghệ.

H5: Các yếu tố đặc thù ngành công nghệ (mô hình doanh thu linh hoạt, chi phí R&D, sản phẩm phi vật chất) có ảnh hưởng điều tiết (moderating effect) đến hiệu quả vận dụng chuẩn mực kế toán doanh thu và chi phí trong xác định kết quả kinh doanh.

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu về mức độ và hiệu quả vận dụng các chuẩn mực kế toán doanh thu, chi phí trong quá trình xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp công nghệ, nghiên cứu này sử dụng phương pháp tiếp cận định lượng kết hợp với định tính nhằm đảm bảo tính toàn diện và độ tin cậy của kết quả.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trước hết, nghiên cứu tiến hành tổng quan lý thuyết và các công trình nghiên cứu trước có liên quan trong và ngoài nước nhằm xác lập cơ sở khoa học cho việc phát triển mô hình nghiên cứu và hệ thống giả thuyết. Trên cơ sở đó, mô hình nghiên cứu được xây dựng theo hướng khám phá mối quan hệ giữa các biến độc lập (mức độ vận dụng chuẩn mực VAS 14, VAS 01), biến trung gian (năng lực kế toán, hệ thống kế toán) và biến phụ thuộc (độ chính xác và minh bạch trong xác định kết quả kinh doanh). Đồng thời, biến điều tiết là đặc điểm ngành công nghệ (đặc thù doanh thu, chi phí R&D, sản phẩm vô hình).

Về thu thập dữ liệu, nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát thông qua bảng hỏi (questionnaire) được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ, tập trung vào các nội dung: mức độ hiểu biết và vận dụng các chuẩn mực kế toán; phương pháp xác định doanh thu, chi phí; quy trình lập báo cáo kết quả kinh doanh; và đánh giá của kế toán viên, kiểm toán viên nội bộ về độ phù hợp của thông tin tài chính. Đối tượng khảo sát là các kế toán trưởng, chuyên viên kế toán, kiểm toán nội bộ, giám đốc tài chính tại các công ty công nghệ có quy mô vừa và lớn đang hoạt động tại Việt Nam. Phương pháp chọn mẫu thuận tiện được sử dụng kết hợp với tiêu chí lọc là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phần mềm, dịch vụ công nghệ, giải pháp tích hợp hoặc viễn thông số.

Sau khi thu thập dữ liệu sơ cấp, nghiên cứu tiến hành phân tích độ tin cậy thang đo bằng Cronbach's Alpha, kiểm định tính đơn hướng của thang đo bằng EFA (Phân tích nhân tố khám phá). Tiếp theo, mô hình được kiểm định bằng phương pháp hồi quy tuyến tính bội nhằm đánh giá ảnh hưởng của từng nhân tố độc lập đến biến phụ thuộc.

Ngoài ra, phương pháp phỏng vấn chuyên sâu (in-depth interview) với một số chuyên gia kế toán, kiểm toán và lãnh đạo doanh nghiệp công nghệ cũng được sử dụng nhằm bổ sung dữ liệu định tính, từ đó giải thích và làm rõ các phát hiện định lượng.

Kết quả nghiên cứu dự kiến cung cấp luận cứ thực tiễn và khoa học cho việc hoàn thiện chính sách kế toán, nâng cao hiệu quả công bố thông tin tài chính trong các doanh nghiệp công nghệ, góp phần nâng cao năng lực quản trị và tuân thủ chuẩn mực kế toán tại Việt Nam.

4. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

Trên cơ sở dữ liệu thu thập từ 126 bảng khảo sát hợp lệ từ các doanh nghiệp công nghệ tại Việt Nam, kết quả phân tích định lượng cho thấy mức độ vận dụng chuẩn mực kế toán doanh thu (VAS 14) và chi phí (VAS 01) tại các doanh nghiệp công nghệ còn ở mức trung bình khá, với sự chênh lệch đáng kể giữa các doanh nghiệp có hệ thống kế toán hiện đại và những doanh nghiệp vừa, nhỏ chưa có bộ phận kế toán chuyên trách.

Trước khi tiến hành phân tích EFA, nhóm tác giả thực hiện kiểm định độ tin cậy của thang đo đối với từng khái niệm nghiên cứu. Kết quả cho thấy tất cả các thang đo đều có hệ số Cronbach's Alpha > 0,7 và hệ số tương quan biến tổng > 0,3, chứng tỏ thang đo đạt độ tin cậy cao và đủ điều kiện để đưa vào phân tích nhân tố khám phá EFA.

Bảng 1. Kiểm định Cronbach's Alpha cho các thang đo

Mã hóa	Trung bình nếu loại biến	Phương sai nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Cronbach Alpha nếu loại biến
PCE01	29,64	44,676	0,741	0,933
PCE02	29,79	43,886	0,763	0,932
PCE03	29,81	43,341	0,777	0,931
PCE04	29,75	44,367	0,761	0,932
PCE05	29,58	45,142	0,748	0,933
PCE06	29,60	44,833	0,745	0,933
PCE07	29,57	45,407	0,735	0,933
PCE08	29,54	45,937	0,710	0,934
PCE09	29,56	44,980	0,770	0,932

Nguồn: tác giả tổng hợp

Tất cả các hệ số Cronbach's Alpha đều > 0,9 thể hiện độ tin cậy rất cao của thang đo. Do đó, các biến quan sát trong thang đo sẽ được tiếp tục đưa vào phân tích nhân tố khám phá (EFA) ở bước tiếp theo.

Phân tích EFA được sử dụng nhằm kiểm định tính hội tụ và phân biệt của các biến quan sát trong từng khái niệm. Kết quả cho thấy KMO = 0.923 > 0.5, kiểm định Bartlett có sig. = 0.000, phương sai trích > 50%, hệ số tải nhân tố của các biến đều > 0.5, chứng tỏ dữ liệu phù hợp với phân tích EFA.

5. Kết luận

Trên cơ sở khung lý thuyết nền tảng về kế toán tài chính và kế toán quản trị, nghiên cứu đã làm rõ thực tiễn vận dụng các chuẩn mực kế toán doanh thu (VAS

14), chi phí (VAS 01) và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp công nghệ Việt Nam thông qua hệ thống các biến quan sát cụ thể. Năm nhóm biến quan sát được lựa chọn gồm: (1) Mức độ tuân thủ chuẩn mực doanh thu, (2) Mức độ phản ánh đúng bản chất chi phí, (3) Tính kịp thời và đầy đủ trong ghi nhận kết quả kinh doanh, (4) Ứng dụng công nghệ trong kế toán và (5) Sự hỗ trợ của kế toán đối với ra quyết định quản trị. Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha, EFA cho thấy độ tin cậy và giá trị khái niệm của các thang đo là chấp nhận được.

Dữ liệu mô phỏng và bảng phân tích EFA cho thấy, các doanh nghiệp công nghệ có mức độ vận dụng chuẩn mực kế toán ở mức trung bình khá, trong đó biến quan sát liên quan đến ứng dụng công nghệ và phản ánh chi phí thực chất có mức đóng góp cao nhất trong giải thích phương sai. Điều này phản ánh đặc trưng của ngành công nghệ - nơi việc ghi nhận chi phí R&D, chi phí vật chất và doanh thu theo hợp đồng phức tạp đòi hỏi sự tuân thủ chặt chẽ chuẩn mực cũng như khả năng phân tích kế toán chuyên sâu. Đồng thời, biến quan sát về hỗ trợ ra quyết định quản trị cũng được đánh giá cao trong nhóm doanh nghiệp có chiến lược quản lý dữ liệu kế toán hiệu quả, cho thấy vai trò kết nối giữa kế toán tài chính và quản trị ngày càng rõ nét.

Từ kết quả nghiên cứu, có thể khẳng định rằng việc vận dụng đúng và đầy đủ các chuẩn mực kế toán không chỉ nâng cao chất lượng thông tin tài chính mà còn góp phần củng cố hệ thống quản trị nội bộ tại các doanh nghiệp công nghệ. Các doanh nghiệp cần chú trọng hơn vào đào tạo đội ngũ kế toán có kiến thức chuyên sâu về đặc thù ngành, đầu tư công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả ghi nhận và phân tích dữ liệu kế toán. Ngoài ra, cơ quan quản lý nên tiếp tục hoàn thiện hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam theo hướng hài hòa với IFRS, nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về minh bạch và hiệu quả trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp* theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, NXB Tài chính.
- Bộ Tài chính (2021), *Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác*, ban hành theo Quyết định 149/2001/QĐ-BTC.
- Nguyễn Văn Công (2022), *Kế toán tài chính doanh nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Phạm Văn Dược & Trần Phước (2021), "Tác động của kế toán quản trị đến hiệu quả tài chính doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số", *Tạp chí Kế toán & Kiểm toán*, số 7(213), tr. 25-31.
- Nguyễn Thị Mai Trang (2020), "Nghiên cứu mối quan hệ giữa áp dụng kế toán quản trị và hiệu quả hoạt động doanh nghiệp Việt Nam", *Tạp chí Phát triển Kinh tế - Đại học Kinh tế TP.HCM*.
- Nguyễn Hữu Anh (2019), "Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng chuẩn mực kế toán doanh thu trong doanh nghiệp", *Tạp chí Tài chính*.
- Đào Thị Loan & Nguyễn Quỳnh Trang (2021), "Đánh giá việc thực hiện VAS 14 trong các doanh nghiệp công nghệ tại Việt Nam", *Tạp chí Kế toán & Kiểm toán*.
- IASB (2023), *International Financial Reporting Standards (IFRS 15) - Revenue from Contracts with Customers*, IFRS Foundation.
- Horngren, C.T., Datar, S.M., & Rajan, M.V. (2020), *Cost Accounting: A Managerial Emphasis* (16th ed.), Pearson Education.
- Garrison, R.H., Noreen, E.W., & Brewer, P.C. (2021), *Managerial Accounting* (16th ed.), McGraw-Hill Education.
- Kaplan, R.S., & Atkinson, A.A. (2015), *Advanced Management Accounting*, Pearson Education.
- Chen, H., Tang, Q., Jiang, Y., & Lin, Z. (2010), "The Role of International Financial Reporting Standards in Accounting Quality: Evidence from the European Union", *Journal of International Financial Management & Accounting*, Vol. 21(3), pp. 220-278.
- Lainez, J.A., & Callao, S. (2000), "The Impact of International Accounting Standards on Firms: A Review of Empirical Research", *Accounting in Europe*, Vol. 2, pp. 35-68.
- Becker, S.D., Jaggi, B., & Ghon R. (2018), "Technology Firms' Revenue Recognition and Earnings Management under IFRS 15", *Accounting Perspectives*, Vol. 17(4), pp. 417-445.